



cháng mìng

偿命

verb · pay with one's life, atone for murder

Example Sentences

shā rén bì xū cháng mìng
杀人必须偿命。

Murder must be paid with life.

zài gǔ dài shāng rén zhì sǐ yào cháng mìng
在古代，伤人致死要偿命。

In ancient times, injuring someone to death required paying with one's life.

Trace each character, then write the word on your own.

偿	偿	偿	偿	偿	偿	偿	偿	偿	偿	偿
偿	偿	偿								
命	命	命	命	命	命	命	命	命	命	命